

Số: 1163/QĐ-CTK

Yên Bái, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1540/QĐ-TCTK ngày 27/12/2024 của Tổng cục trưởng Tổng Cục Thống kê về việc điều chỉnh, giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước lần thứ 7 năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Yên Bái (theo phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông bà Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCHC.



Vũ Tuấn Hà



ĐY TOÀN THỦ, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CTK ngày /2024 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Yên Bái)

ĐV tính: Triệu đồng

STT		Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục Thống kê tỉnh Yên Bái	Chi cục Thống kê Thành phố Yên Bái	Chi cục Thống kê huyện Mù Cang Chải	Chi cục Thống kê huyện Trấn Yên	Chi cục Thống kê khu vực Yên Bình - Lục Yên	Chi cục Thống kê khu vực Văn Chấn - Nghĩa Lộ	Chi cục Thống kê huyện Trầm Tấn	Chi cục Thống kê huyện Văn Yên
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-								
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.038	2.038	1.260	121	76	85	166	155	72	103
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.038	2.038	1.260	121	76	85	166	155	72	103
I	Chi quản lý hành chính	2.038	2.038	1.260	121	76	85	166	155	72	103
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.644	1.644	866	121	76	85	166	155	72	103
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	394	394	394							
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-							

trg